

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN LỚP 6- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổn g % điể m
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn.	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Bài văn tự sự	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyền đồng thoại, truyện ngắn.	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. (1) - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. (2) - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. (3) Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. (4) - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (5) - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác	4 TN	4TN	2TL	

			dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. (6) Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (7) - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.				
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN

Mùa xuân đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.

Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

(Theo Đoàn Công Lê Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò số 1056 - 21/4/2014)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Nhân vật chính trong câu chuyện trên là: (1)

- A. Chim Én, Mây
- B. Chim Én, Dế Mèn
- C. Dế Mèn, Đất trời
- D. Chim Én, Cỏ hoa

Câu 2. Chim Én giúp Dế Mèn đi chơi bằng cách nào? (1)

- A. Chim Én cõng Dế Mèn trên lưng cùng bay đi.
- B. Dế Mèn đi một mình còn Chim Én bay trên cao chỉ đường.
- C. Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa.
- D. Hai Chim Én ngậm một cọng cỏ khô. Mèn leo trên lưng Chim Én.

Câu 3. Câu chuyện trên sử dụng ngôi kể thứ mấy? (2)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi nhất và ngôi ba
- D. Ngôi thứ ba

Câu 4. Trong các từ sau, từ nào là từ ghép? (3)

- A. Vui tươi
- B. Hốt hoảng
- C. Thơ thẩn
- D. Miên man

Câu 5. Nhận xét nào sau đây đúng với chủ đề câu chuyện trên? (4)

- A. Ca ngợi tình yêu thiên nhiên, phê phán tàn phá môi trường
- B. Ca ngợi tình yêu con người, phê phán thói vô cảm

C. Ca ngợi tình anh em, phê phán việc không hòa thuận

D. Ca ngợi cái tốt, phê phán cái xấu

Câu 6. Cử chỉ, hành động của hai con Chim Én thể hiện phẩm chất nào? (5)

A. Kiên trì

B. Trách nhiệm

C. Nhân ái

D. Dũng cảm

Câu 7. Ý nghĩ và việc làm của Dế Mèn đã thể hiện lối sống: (5)

A. Ích kỷ

B. Bộc trực

C. Thẳng thắn

D. Chân thành

Câu 8. Xác định công dụng của dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau đây: *Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ồ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”* (6)

A. Chú thích ý nghĩ của Dế Mèn

B. Dẫn ý nghĩ của Dế Mèn

C. Giải thích ý nghĩ của Dế Mèn

D. Bổ sung ý nghĩ của Dế Mèn

Câu 9. Hãy rút ra bài học sau khi đọc văn bản “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn”. (7)

Câu 10. Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Dế Mèn trong câu chuyện không? Vì sao? (7)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất.	1,0
	10	HS tự nêu ý kiến và giải thích ý kiến của mình.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một trải nghiệm</i>	0,25
		<i>c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân</i> HS có thể triển khai trải nghiệm theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm. - Cảm xúc sau trải nghiệm đó.	3,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.</i>	0,25